

# MỤC LỤC

<b>Đề mục</b>	<b>Trang</b>
<b>I. PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	3
1. Lý do chọn đề tài.....	3
2. Mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài.....	5
3. Đối tượng nghiên cứu .....	6
4. Giới hạn phạm vi nghiên cứu.....	6
5. Phương pháp nghiên cứu. ....	6
<b>II. PHẦN NỘI DUNG</b> .....	6
1. Việc sử dụng Atlas trong học tập và làm bài tập trắc nghiệm Địa lí .....	6
2. Bài tập trắc nghiệm Địa lí với bảng số liệu và biểu đồ.....	7
3. Hướng dẫn cách học và làm bài tập trắc nghiệm sử dụng Atlas địa lý Việt Nam, biểu đồ và bảng số liệu.....	7
3.1. Cách học và làm bài tập trắc nghiệm sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam:.....	7
3.2. Cách học và làm bài tập trắc nghiệm với biểu đồ và bảng số liệu.....	9
4. Phân loại, định dạng câu hỏi trắc nghiệm Atlas địa lý Việt Nam, biểu đồ và bảng số liệu.....	11
5. Ứng dụng thực tế ở chương trình Địa lý lớp 12 tại trường THPT Việt Đức tỉnh Đắk Lắk.....	12
5.1. Làm bài tập trắc nghiệm sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam: (một số câu trắc nghiệm minh họa).....	12
5.2. Làm bài tập trắc nghiệm với biểu đồ và bảng số liệu (một số câu trắc nghiệm minh họa) ...	17
6. Cách học và làm bài thi trắc nghiệm sử dụng Atlas, biểu đồ và bảng số liệu hiệu quả .....	24
7. Kết quả .....	26
8. Hạn chế .....	27
<b>III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b> .....	28
1. Kết luận.....	28
2. Kiến nghị.....	28

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

GV	Giáo viên
DH	Dạy học
HS	Học sinh
THPT	Trung học phổ thông
SGK	Sách giáo khoa
VN	Việt Nam

# **I. PHẦN MỞ ĐẦU**

## **1. Lý do chọn đề tài**

Trong định hướng chiến lược phát triển, giáo dục phổ thông đóng vai trò rất quan trọng, điều này thể hiện mặt bằng trình độ dân trí của một quốc gia, bởi lẽ chất lượng giáo dục phổ thông sẽ quyết định đến sự phát triển của đất nước. Trong nội dung giáo dục phổ thông, kỳ thi tốt nghiệp có một ý nghĩa quan trọng, bởi đó là một thước đo đánh giá chất lượng giáo dục. Trước xu hướng giáo dục thế giới và sự thay đổi của ngành giáo dục Việt Nam, môn Địa Lí vẫn đóng vai trò quan trọng trong các trường trung học. Môn Địa lí cung cấp những kiến thức về tự nhiên, dân cư, xã hội, kinh tế và đặc biệt là lĩnh vực Địa lí chính trị quốc phòng. Nhằm đóng góp vào việc nâng cao nhận thức cho HS về tình yêu quê hương đất nước và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

Từ năm học 2016 -2017 ngành Giáo dục nước ta phát triển với phương hướng mới áp dụng thi trắc nghiệm cho các môn trong đó có môn Địa Lí. Trong môn Địa lí có 3 phần trắc nghiệm: lý thuyết, sử dụng Atlat, biểu đồ và bảng số liệu. Để học tốt và làm bài tập trắc nghiệm Địa lí hiệu quả là kết hợp trắc nghiệm lý thuyết với trắc nghiệm kỹ năng sử dụng Atlat, biểu đồ và bảng số liệu. Trong đó, kỹ năng trắc nghiệm sử dụng Atlat, biểu đồ và bảng số liệu là lĩnh vực ứng dụng, vận dụng khá mới và tương đối khó với học sinh. Mà lĩnh vực này có vai trò quan trọng, giúp HS hiểu bài học Địa lí sâu sắc đa dạng hơn, hoàn thiện hơn, rèn luyện được nhiều kỹ năng Địa lí hơn.

Theo cách dạy Atlat Địa lí Việt Nam, biểu đồ và bảng số liệu, thông thường giáo viên hướng dẫn học sinh theo phương pháp tự luận như trước đây. Từ năm học 2016-2017 đến nay, hướng dẫn sử dụng Atlat, biểu đồ và bảng số liệu theo hình thức trắc nghiệm là hình thức hoàn toàn mới với giáo viên và học sinh. Trước đây, cũng có những đợt làm trắc nghiệm môn Địa Lí nhưng đa số là trắc nghiệm lĩnh vực lý thuyết thôi còn lĩnh vực Atlat, biểu đồ và bảng số liệu thì chưa có.

**CẤU TRÚC ĐỀ MINH HỌA và ĐỀ CHÍNH THỨC CỦA BỘ NĂM HỌC 2016-2017:**

- Địa lí tự nhiên: 7 câu.
- Địa lí dân cư: 3 câu.

- Địa lí các ngành kinh tế: 10 câu.

- Địa lí các vùng kinh tế: 10 câu.

**- Thực hành:**

+ Đọc atlas Địa lí Việt Nam: 5 câu.

+ Làm việc với biểu đồ đã cho: 2 câu.

+ Làm việc với bảng số liệu: 3 câu.

TỔNG CỘNG: 40 câu

**CẤU TRÚC ĐỀ MINH HỌA CỦA BỘ NĂM HỌC 2017-2018:**

- Địa lí tự nhiên: 1 câu.

- Địa lí dân cư: 1 câu.

- Địa lí các ngành kinh tế: 6 câu.

- Địa lí các vùng kinh tế: 11 câu.

- Địa lí 11: 6 câu

**- Thực hành:**

+ Đọc atlas Địa lí Việt Nam: 10 câu.

+ Làm việc với biểu đồ đã cho: 3 câu.

+ Làm việc với bảng số liệu: 2 câu.

TỔNG CỘNG: 40 câu

Trong ma trận ra đề thi Quốc gia thi lĩnh vực trắc nghiệm Atlas, biểu đồ và bảng số liệu chiếm 1/4 (10/40) của năm học 2016-2017(tính toán dựa theo đề mẫu của Bộ GD & ĐT). Trong tổng số 10 câu trắc nghiệm thì chia theo các mức độ nhận thức như sau: 4 câu nhận biết, 2 câu thông hiểu, 3 câu vận dụng thấp, 1 câu vận dụng cao. Trong năm học 2017-2018, thi lĩnh vực trắc nghiệm Atlas, biểu đồ và bảng số liệu chiếm 15/40 câu (tính toán dựa theo đề mẫu đề minh họa của Bộ GD & ĐT). Trong tổng số 15 câu trắc nghiệm thì chia theo các mức độ nhận thức như sau: 5 câu nhận biết, 5 câu thông hiểu, 4 câu vận dụng thấp, 1 câu vận dụng cao.

Vì thế, với kinh nghiệm và kiến thức của tác giả đã nghiên cứu và áp dụng rèn luyện kỹ năng trắc nghiệm sử dụng Atlas, biểu đồ và bảng số liệu cho học sinh lớp 12

trong năm học 2016-2017 và học kỳ 1 năm học 2017-2018 vừa qua có hiệu quả. Điều này giúp cho các em học sinh tự tin hơn và yêu thích môn Địa lý hơn và đặc biệt lớp 12 là lớp cuối cấp có thể giúp ích cho học sinh trong việc thi tốt kỳ thi học kỳ 2 kế tiếp và kỳ thi Quốc gia sắp tới.

Tất cả những khía cạnh trên, cùng thực tế đối tượng dạy học, tôi đã chọn đề tài:  
**“HƯỚNG DẪN HỌC VÀ LÀM BÀI TRẮC NGHIỆM PHẦN KỸ NĂNG SỬ DỤNG  
ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM, BIỂU ĐỒ, BẢNG SỐ LIỆU NHẪM NÂNG CAO KẾT  
QUẢ TRONG KÌ THI THPT QUỐC GIA”**

## **2. Mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài**

### **Mục tiêu**

- Đưa ra phương pháp hướng dẫn kỹ năng trắc nghiệm sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam, biểu đồ và bảng số liệu.
- Đưa ra phương pháp định dạng câu hỏi trắc nghiệm theo các mức độ nhận thức đem lại hiệu quả trong lĩnh vực học và làm bài tập trắc nghiệm sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam, biểu đồ và bảng số liệu Địa lí.

### **Nhiệm vụ:**

- Tìm hiểu cơ sở lý luận về học và làm bài tập trắc nghiệm sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam, biểu đồ và bảng số liệu Địa lí.
- Tìm hiểu cơ sở thực tiễn về việc dạy học tích hợp môn Địa lí ở trường THPT Việt Đức tỉnh Đắk Lắk.
- Tiến hành quan sát, khảo sát, lấy ý kiến của giáo viên, học sinh về phương pháp dạy học và làm bài tập trắc nghiệm sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam, biểu đồ và bảng số liệu Địa lí dành cho học sinh lớp 12 ở trường THPT Việt Đức.
- Tiến hành thực nghiệm sư phạm để bước đầu kiểm nghiệm tính khoa học và tính khả thi, hiệu quả của việc vận dụng trong thực tiễn dạy học tại trường THPT Việt Đức tỉnh Đắk Lắk, cụ thể là lớp 12a2 và 12a12 năm học 2016-2017 và các lớp 12a2,3,4,11,12 năm học 2017-2018.

### **3. Đối tượng nghiên cứu**

Hướng dẫn học và làm bài tập trắc nghiệm sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam, biểu đồ và bảng số liệu Địa lý dành cho học sinh khối lớp 12.

### **4. Giới hạn phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi nội dung nghiên cứu: Đề tài chủ yếu ứng dụng vào chương trình Địa lý lớp 12.
- Phạm vi đối tượng nghiên cứu: Quá trình dạy - học của giáo viên và học sinh tại trường THPT Việt Đức tỉnh Đắk Lắk.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

- Nghiên cứu lý luận: Nghiên cứu các tài liệu về đường lối đổi mới giáo dục của Đảng và Chính phủ, của ngành Giáo dục.
- Nghiên cứu thực tiễn: Điều tra, quan sát, phỏng vấn, thực nghiệm sư phạm tại trường THPT Việt Đức tỉnh Đắk Lắk.
- Phương pháp xử lý thông kê số liệu thực nghiệm và rút ra kết luận của đề tài.
- Phương pháp so sánh đối chiếu.

## **II. PHẦN NỘI DUNG**

### **1. Việc sử dụng Atlas trong học tập và làm bài tập trắc nghiệm Địa lý**

Về bản chất, có thể coi Atlas Địa lý Việt Nam là một cuốn sách giáo khoa Địa lý Việt Nam được thể hiện bằng kênh hình, chủ yếu là bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu. Atlas được xây dựng dựa trên chương trình địa lý Việt Nam, diễn giải các vấn đề địa lý đi từ cái chung đến riêng, từ tự nhiên đến kinh tế xã hội, từ tổng thể đến các bộ phận.

Atlas Địa lý Việt Nam được coi là tài liệu duy nhất mà học sinh được sử dụng trong tất cả kỳ thi. Nó là "bạn đồng hành" không thể thiếu của các sĩ tử khi bước vào phòng thi môn Địa lý. Trong quá trình học và làm bài tập trắc nghiệm dựa vào Atlas, cần luôn sử dụng Atlas bởi Atlas là "cuốn sách thứ 2 của địa lý", cũng là tài liệu quan trọng mà học sinh được sử dụng trong phòng thi. Việc sử dụng Atlas thường xuyên không chỉ giúp ghi nhớ khắc sâu kiến thức mà còn củng cố kỹ năng sử dụng Atlas huy động kiến thức làm bài thi đạt kết quả cao. Ngược lại, cũng cần tránh tư tưởng ỷ lại vào Atlas, bởi

không rèn luyện kỹ năng khai thác Atlas thì sự lúng túng cộng với tâm lý căng thẳng trong cuộc thi sẽ làm cho học sinh không khai thác được nhiều các nội dung trong Atlas.

## **2. Bài tập trắc nghiệm Địa lí với bảng số liệu và biểu đồ**

Trong học tập và thi tốt nghiệp THPT thường có câu hỏi phân tích số liệu, bởi biết dựa vào bảng số liệu để tìm thông tin Địa lí là một trong những kỹ năng quan trọng trong học tập và nghiên cứu Địa lí.

Loại câu hỏi yêu cầu phân tích số liệu thống kê cho phép đánh giá được mức độ am hiểu, vận dụng kiến thức của người học vào các trường hợp cụ thể, đánh giá được kỹ năng chọn lọc, xác định kiến thức địa lí. Ngoài ra, từ bảng số liệu còn có thể làm các bài tập trắc nghiệm chọn dạng biểu đồ thích hợp.

Với môn thi Địa lí, câu hỏi về biểu đồ vô cùng quan trọng. Trong đề thi Địa lí năm nay sẽ có phần trắc nghiệm kỹ năng phân tích bảng số liệu và biểu đồ, HS cần nắm các cụm từ khóa, lời dẫn của từng dạng để khi đọc câu hỏi lên có cụm từ nào thì ta có thể nhận biết ngay dạng biểu đồ đó. Mà để có được kỹ năng đó, mỗi thí sinh cần rèn luyện nhiều về kỹ năng phân tích câu hỏi, nhận biết và nhận định dạng biểu đồ thông qua các cụm từ khóa, lời dẫn nhận biết để xác định loại hình biểu đồ một cách chính xác. Cũng như làm các câu hỏi trắc nghiệm sau khi phân tích nội dung bảng số liệu và biểu đồ.

## **3. Hướng dẫn cách học và làm bài tập trắc nghiệm sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam, biểu đồ và bảng số liệu**

### **3.1. Hướng dẫn cách học và làm bài tập trắc nghiệm sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam**

#### **- Nắm được cấu trúc của Atlas Địa lí Việt Nam:**

Cần phải nắm được cấu trúc của Atlas Địa lí Việt Nam gồm các trang, mục nào, sắp xếp ra sao?

Cấu trúc theo sách giáo khoa Địa lí lớp 12 và Atlas tương tự như nhau. Nếu sách giáo khoa Địa lí lớp 12 được cấu trúc thành 4 đơn vị kiến thức cơ bản là: Địa lí tự nhiên, Địa lí dân cư, Địa lí các ngành kinh tế, Địa lí các vùng kinh tế thì Atlas Địa lí Việt Nam

cũng được cấu trúc tương tự như vậy. Cấu trúc được thể hiện rất rõ ở trang cuối cùng của Atlat (mục lục trang 31).

Trong Atlat Địa lí Việt Nam chia thành:

Phần 1: Địa lí tự nhiên (từ trang 6 đến trang 14).

Phần 2: Địa lý dân cư (từ trang 15 đến trang 16).

Phần 3: Địa lý các ngành kinh tế (từ trang 17 đến trang 25).

Phần 4: Địa lý các vùng kinh tế (từ trang 26 đến trang 30).

**- Đọc, học kí hiệu:**

Đọc, chỉ ra được cơ cấu, số lượng và phân bố các đối tượng trên bản đồ.

Các kí hiệu trong bản đồ là rất quan trọng, vì vậy các em cần nắm chắc kí hiệu ở trang 3 của quyển Atlat vì một số bản đồ sẽ không có chú thích đi kèm.

*Kí hiệu chung ở trang ba (3) của Atlat. Nên thuộc một số kí hiệu chung cơ bản về tự nhiên, kinh tế-xã hội.*

+ Kí hiệu về địa hình: phân tầng địa hình.

+ Kí hiệu về khoáng sản: chủng loại, phân bố.

+ Kí hiệu về công nghiệp: trung tâm công nghiệp, khai thác khoáng sản, các ngành công nghiệp.

+ Kí hiệu về nông nghiệp, lâm, ngư nghiệp.

+ Kí hiệu các yếu tố khác.

Ngoài ra, còn có các bảng chú giải ở các trang Atlat.

**- Phân biệt tên tỉnh với tên thành phố, trung tâm công nghiệp:**

Tên tỉnh màu đỏ chữ IN HOA lớn nhất. Về tỉnh xem Atlat trang 4, 5. Về vùng xem Atlat trang 17, 18.

**- Biết phối hợp tìm nhanh các thông tin trong trang Atlat để tìm ra đáp án đúng**

**- Biết phân loại, định dạng câu hỏi Atlat từ hình bản đồ, hay từ hình biểu đồ trong trang Atlat.**

**- Cách chọn đáp án theo phạm vi câu hỏi:**



Câu hỏi về cả nước thì trả lời vùng; câu hỏi về vùng thì trả lời tỉnh, nên nhớ kỹ quy tắc này thì ta chọn đáp án trắc nghiệm nhanh và chính xác

**- Biết khai thác biểu đồ có trong các bản đồ của Atlas**

Thường mỗi bản đồ dân cư, ngành kinh tế đều có từ 1 đến 2 biểu đồ (cột, đường, tròn, miền) thể hiện sự tăng, giảm về giá trị tổng sản lượng, về diện tích (đối với các ngành nông-lâm nghiệp...), về cơ cấu, về xu hướng chuyển dịch cơ cấu của các ngành kinh tế.

***Ví dụ: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 15, nhận xét nào sau đây không đúng với biểu đồ Cơ cấu lao động đang làm việc phân theo khu vực kinh tế:***

- a. Tỷ trọng công nghiệp – xây dựng tăng.
- b. Tỷ trọng nông – lâm thủy sản giảm
- c. Tỷ trọng nông -lâm -thủy sản luôn thấp nhất
- d. Tỷ trọng nông -lâm -thủy sản luôn cao nhất

Các biểu đồ còn giúp các em giảm bớt việc ghi nhớ nhiều con số trong phần trắc nghiệm lý thuyết.

**- Biết sử dụng kết hợp các bản đồ trong Atlas cho một câu hỏi trắc nghiệm địa lý**

Cần xác định mối quan hệ địa lý, kết hợp một số trang Atlas cần thiết để trả lời. Các em nhớ tìm các thông tin liên quan đến câu hỏi trắc nghiệm ở mục lục trang 31.

**3.2. Hướng dẫn cách học và làm bài tập trắc nghiệm biểu đồ và bảng số liệu**

**\* Cách nhận dạng các loại biểu đồ trong câu hỏi trắc nghiệm:**

- **Biểu đồ tròn:** khi đề bài yêu cầu thể hiện cơ cấu, tỉ lệ, tỉ trọng (%) của đối tượng mà dưới 2 năm. Ví dụ thể hiện cơ cấu của ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ của Việt Nam năm 2012...

- **Biểu đồ cột (đơn, đôi...):** khi đề bài yêu cầu thể hiện sự biến động của một đối tượng qua nhiều năm hoặc so sánh các đối tượng khi có cùng đơn vị trong một năm. Ví dụ thể hiện sự biến động dân số, diện tích đất đai...

- **Biểu đồ đường biểu diễn (đồ thị):** khi đề bài yêu cầu thể hiện sự thay đổi, tăng trưởng, diễn biến của các đối tượng khác nhau về đơn vị qua nhiều năm. Ví dụ thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế, gia tăng dân số...

- **Biểu đồ kết hợp giữa đường và cột:** khi đề bài yêu cầu thể hiện các đối tượng khác nhau về đơn vị nhưng có mối quan hệ với nhau. Hoặc đề bài có từ ba loại số liệu trở lên mà cần biểu diễn trên cùng một biểu đồ. Ví dụ thể hiện sản lượng khai thác, nuôi trồng và giá trị sản xuất của Việt Nam thì vẽ cột thể hiện sản lượng khai thác và nuôi trồng, đường thể hiện giá trị sản xuất...

- **Biểu đồ miền:** khi đề bài yêu cầu thể hiện rõ nhất sự thay đổi cơ cấu, tỉ trọng của hai hoặc ba nhóm đối tượng mà có từ 3 năm trở lên. Ví dụ thể hiện cơ cấu ngành kinh tế của Việt Nam hoặc cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ từ năm 1990 - 2005.

- **Biểu đồ cột chồng:** khi đề bài yêu cầu thể hiện tốt nhất quy mô và cơ cấu của đối tượng (theo tỉ lệ % tuyệt đối).

- **Ngoài ra có dạng biểu đồ miền kết hợp với đường:** thường dùng biểu đồ này trong trường hợp đặc biệt: ví dụ tỉ lệ xuất khẩu, nhập khẩu, cán cân xuất nhập khẩu, tỉ lệ sinh, tỉ lệ tử, tỉ lệ gia tăng tự nhiên...

**\* Hướng dẫn phân kiến thức biểu đồ với bảng ghi nhớ ngắn gọn:**

### BẢNG GHI NHỚ VỀ BIỂU ĐỒ

(có 5 từ khoá cần nhớ: Cơ cấu – tỉ trọng, tăng trưởng – phát triển – biến động)

Mốc thời gian	TỪ KHOÁ TRONG BÀI	VẼ BIỂU ĐỒ
≤ 3 NĂM	- Có “CƠ CẤU ” hay “TỈ TRỌNG”	TRÒN
	- Không có “Cơ cấu” “tỉ trọng”	CỘT
> 3 năm	- Có “CƠ CẤU ” hay “TỈ TRỌNG”	MIỀN
	- Không có ”cơ cấu” hay “tỉ trọng” Nhưng có “tăng trưởng” hay “phát triển” hay biến động	ĐƯỜNG (đồ thị)
	- Không có 5 từ khoá trên	CỘT

**TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT:** Bài có 2 – 3 đơn vị

SỐ ĐƠN VỊ	SỐ NĂM	VẼ BIỂU ĐỒ
2 Đơn vị	≤ 3 năm	CỘT : mỗi đơn vị một biểu đồ, hoặc vẽ chung
	>3 năm	KẾT HỢP - cột và đường ( SGK trang 7 , Atlas trang 24)
3 đơn vị	< 3 năm	CỘT : mỗi đơn vị một biểu đồ
	>3 năm	ĐƯỜNG với năm đầu = 100% (Giống bài Tốc độ tăng trưởng)

- Phân tích biểu đồ (cho trước hoặc biểu đồ trong Atlas Địa lí Việt Nam). Đọc biểu đồ theo yêu cầu, nhận xét, phân tích và giải thích.
- Phân tích bảng số liệu (nhận xét, giải thích). Tính toán, nhận xét, phân tích và giải thích.

**4. Phân loại, định dạng câu hỏi trắc nghiệm sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam, biểu đồ và bảng số liệu**

\* Có 3 dạng câu hỏi trắc nghiệm Atlas Địa lý Việt Nam

**Dạng 1:** Trắc nghiệm về nội dung phân bố, vùng, tỉnh thành thì dựa vào kênh hình bản đồ Việt Nam trong Atlas.

**Dạng 2:** Khái quát tình hình, cơ cấu, tốc độ tăng trưởng dựa vào kênh hình biểu đồ (cột, tròn, miền, đồ thị, kết hợp), quan sát hình biểu đồ trong Atlas đối chứng đáp án để chọn đáp án đúng nhất.

**Dạng 3:** Tính toán, đo tính, thống kê số liệu,... tìm trên các hình biểu đồ và mức quy ước trong trang Atlas, kiểm chứng và chọn đáp án trắc nghiệm chính xác.

\* Trắc nghiệm biểu đồ và bảng số liệu có 3 dạng:

**Dạng 1:** Mức nhận biết: chọn đáp án loại biểu đồ chính xác cho bảng số liệu.

**Dạng 2:** Mức thông hiểu: cho các hình biểu đồ, chọn đáp án đúng với câu yêu cầu và nhận xét, cho bảng số liệu và chọn đáp án đúng với câu nhận xét.

**Dạng 3:** Mức vận dụng và vận dụng cao: phân tích, tính toán, và giải thích thông qua hình biểu đồ, bảng số liệu. Chọn đáp án chính xác.

## **5. Ứng dụng thực tế ở chương trình Địa lý lớp 12 tại trường THPT Việt Đức tỉnh Đắk Lắk**

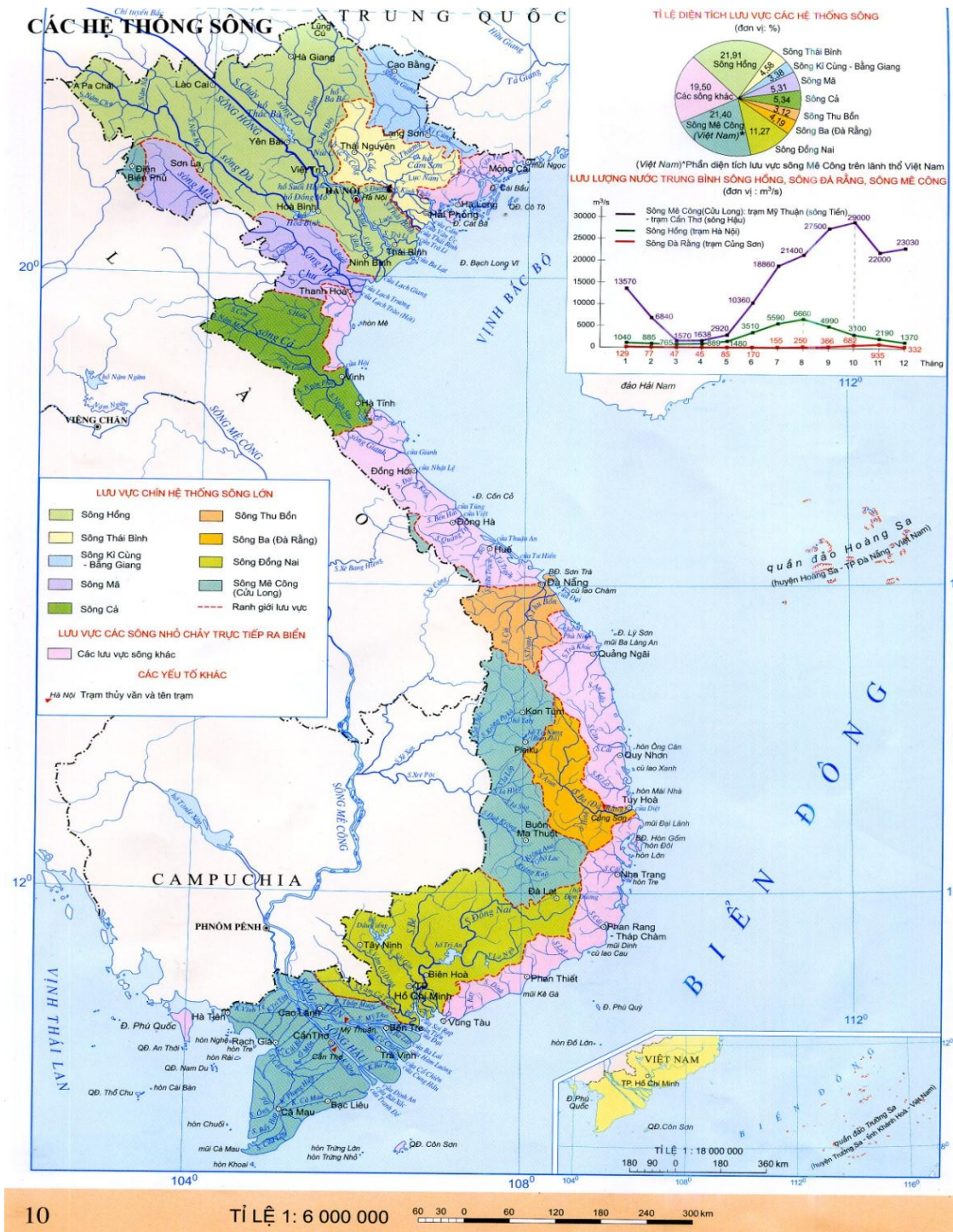
### **5.1. Học và làm bài tập trắc nghiệm sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam (một số câu trắc nghiệm minh họa)**

**Dạng 1:** Câu trắc nghiệm về phân bố



Hình ảnh: Học sinh lớp 12A12 năm học 2017-2018-Làm bài tập trắc nghiệm với Atlas



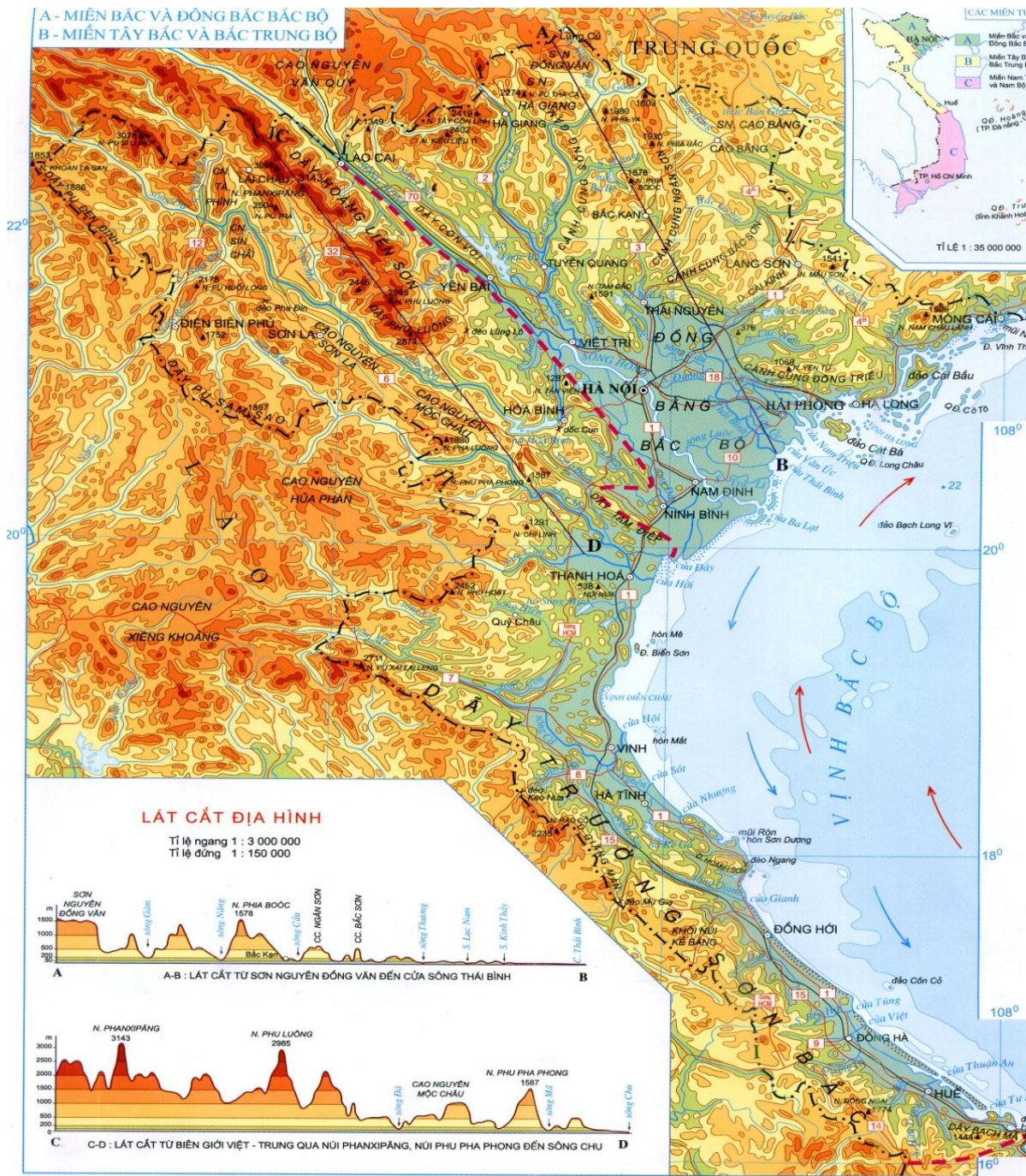


Ví dụ trang Atlas minh họa

Câu: Quan sát Atlas Địa lí VN trang 10. Sông nào dưới đây thuộc lưu vực hệ thống sông Mê Công:

- a. Sông Bé      b. Sông Mã      c. Sông Krông Ana      d. Sông Hương





Ví dụ trang Atlas minh họa

**Câu:** Quan sát Atlas Địa lí VN trang 13, dãy Hoàng Liên Sơn thuộc vùng núi:

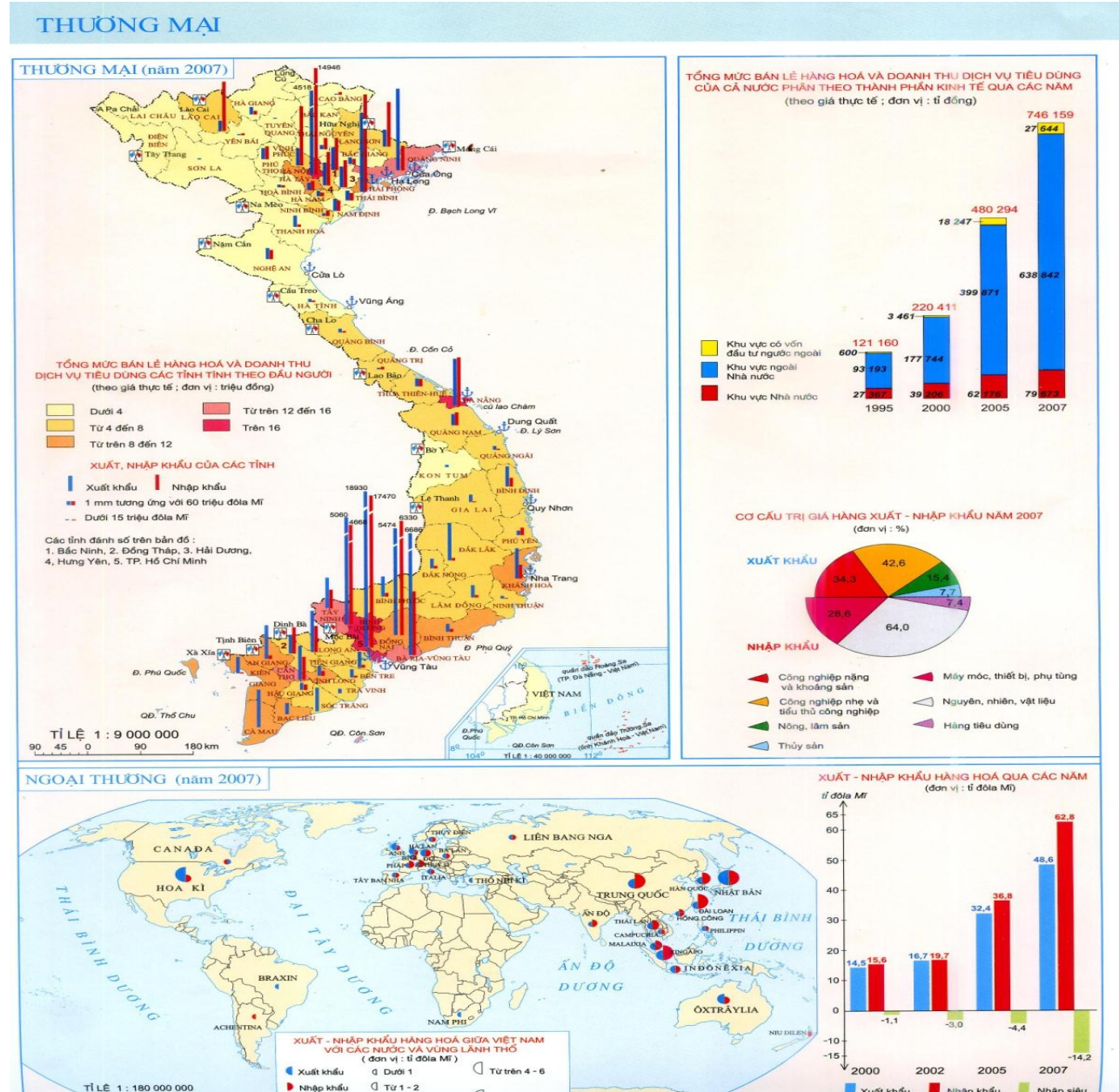
- a. Tây Bắc      b. Bắc Trung Bộ      c. Đông Bắc      d. Tây Nguyên



**Dạng 2: Dựa vào kênh hình biểu đồ (cột, tròn, miền, đồ thị, kết hợp)**

**Câu: Quan sát Atlas Địa lí VN trang 24. Các tỉnh xuất khẩu cao nhất nước ta là**

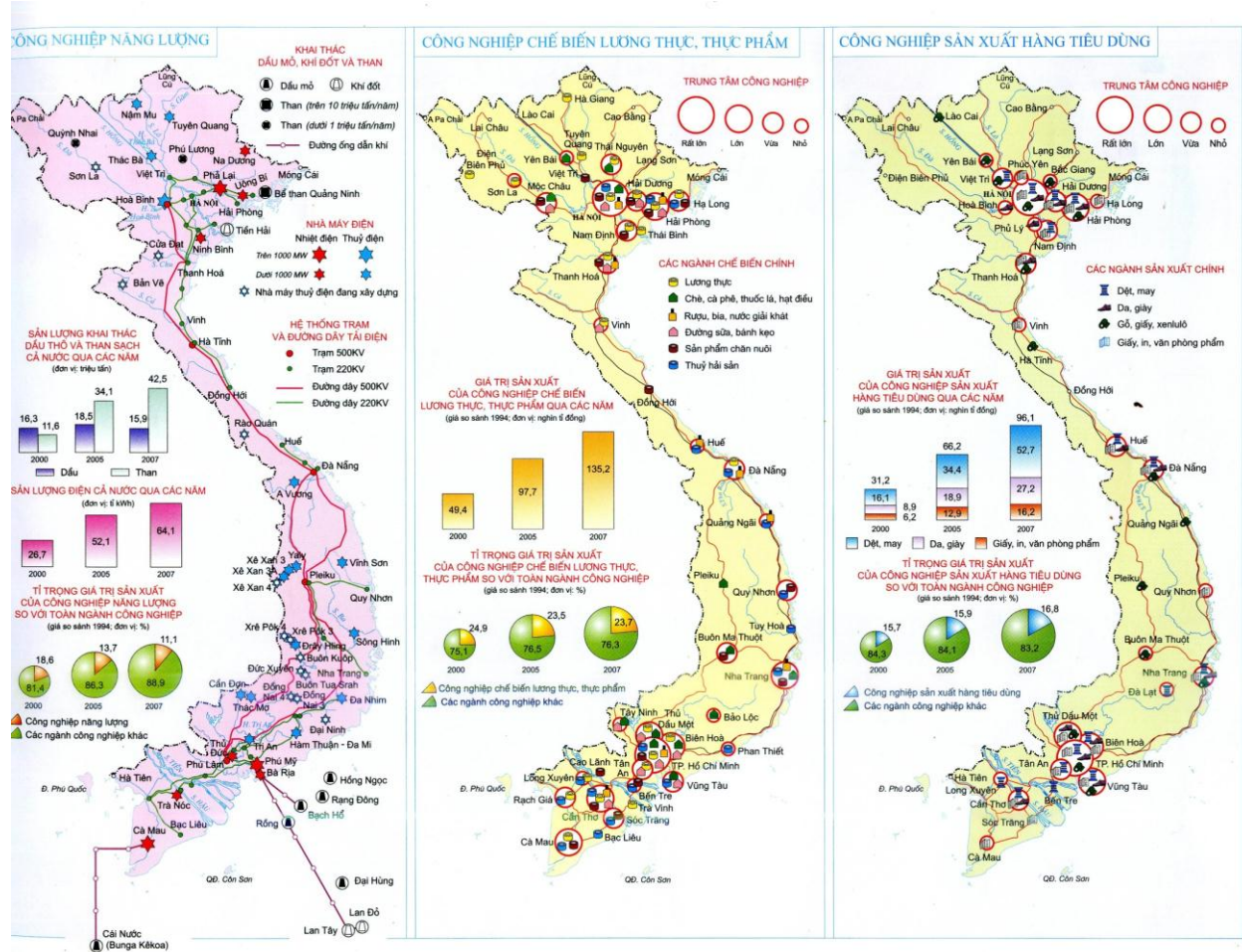
- a. Bình Dương, Cần Thơ, Đà Nẵng, Đồng Nai, Quảng Ninh
- b. Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ
- c. **Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai**
- d. Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Hải Phòng, Hà Nội, Cần Thơ



Ví dụ trang Atlas minh họa

**Câu: Căn cứ vào Atlát Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất trên 1000MW:**

- a. Hòa Bình - Trị An - Phú Mỹ.
- b. Phả Lại - Hòa Bình - Đa Nhim.
- c. Phả Lại - Phú Mỹ - Cà Mau.
- d. Phú Mỹ - Na Dương - Cà Mau.



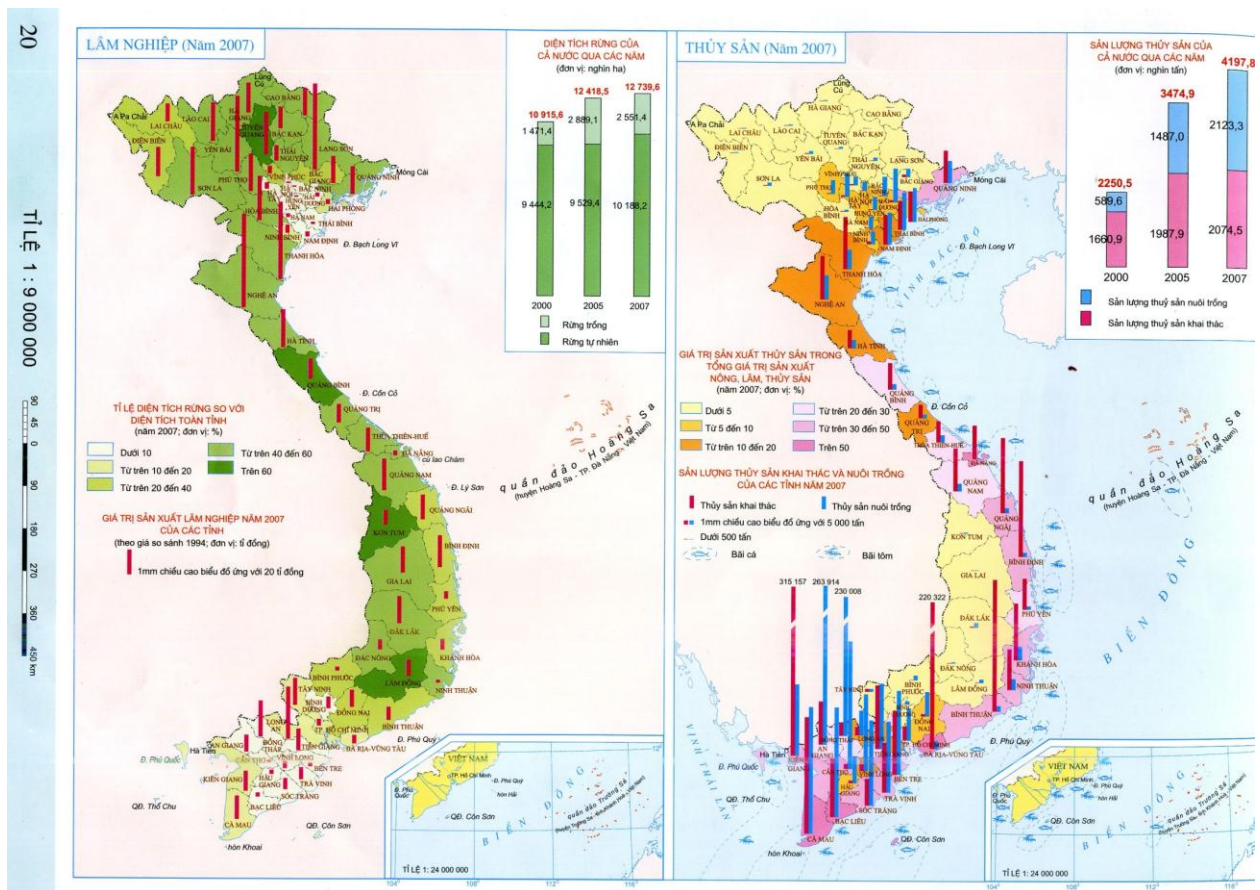
Ví dụ trang Atlat minh họa



**Dạng 3:** Tính toán, đo tính, thống kê số liệu... tìm trên các hình biểu đồ và mức quy ước trong trang Atlas, kiểm chứng và chọn đáp án trắc nghiệm chính xác.

**Câu:** Dựa vào Atlas trang 20, tỉnh nằm trong vùng đồng bằng sông Cửu Long có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản từ 5,0 - 10% (2007):

- a. Kiên Giang.                      b. An Giang.                      c. **Hậu Giang.**                      d. Cà Mau.



Ví dụ trang Atlas minh họa

**5.2. Làm bài tập trắc nghiệm với bảng số liệu và biểu đồ** (một số câu trắc nghiệm minh họa)

Dạng 1: Mức nhận biết: Chọn đáp án loại biểu đồ chính xác cho bảng số liệu

**Hướng dẫn:**

**Câu 1. Bài có từ khóa cơ cấu và 3 năm, ta vẽ biểu đồ**

- a. đường
- b. tròn
- c. miền
- d. cột

**Câu 2. Bài có 5 năm và có từ tỉ trọng, vẽ biểu đồ**

- a. cột
- b. tròn
- c. miền
- d. đường

**Câu 3. Bài có từ tăng trưởng và 4 năm ta vẽ biểu đồ**

- a. miền
- b. cột
- c. đường
- d. tròn

**Câu 4. Bài không có từ khóa nào, và có 5 năm, vẽ biểu đồ**

- a. tròn
- b. cột
- c. đường
- d. miền

**Câu 5. Bài có 4 năm và có 2 đơn vị, phải vẽ biểu đồ**

- a. miền
- b. tròn
- c. cột
- d. kết hợp cột, đường

**Câu 6. Bài có 2 đơn vị và 2 năm, ta vẽ biểu đồ**

- a. cột
- b. kết hợp cột, đường
- c. đường
- d. tròn

**Câu 7. Bài có 4 năm 3 đơn vị ta vẽ biểu đồ**

- a. Kết hợp cột, đường
- b. Miền
- c. Cột
- d. Đường (tốc độ tăng trưởng)

**Câu 8. Bài có 6 năm có từ cơ cấu ta vẽ biểu đồ**

- a. cột
- b. đường
- c. miền
- d. tròn

**Câu 9. Bài có 5 năm có từ tăng trưởng, phát triển ta vẽ biểu đồ**

- a. cột
- b. đường
- c. miền
- d. tròn

**Ví dụ minh họa:**

**Câu: Cho bảng số liệu: Số lượt khách và doanh thu từ du lịch của nước ta**

Năm	1991	1997	2000	2005
Khách nội địa (triệu lượt khách)	1,5	8,5	11,2	16,0
Khách quốc tế (triệu lượt khách)	0,3	1,7	2,1	3,5
Doanh thu từ du lịch (nghìn tỉ đồng)	0,6	10,0	17,0	30,3

Qua bảng số liệu cho biết, biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số lượt khách và doanh thu từ du lịch của nước ta từ 1991 – 2005.

- a. Biểu đồ cột
- b. Biểu đồ đường
- c. **Biểu đồ kết hợp cột và đường**
- d. Biểu đồ miền

**Câu: Cho bảng số liệu: Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm (đơn vị: mm).**

Địa điểm	Lượng mưa	Lượng bốc hơi	Cân bằng ẩm
Hà Nội	1676	989	+ 687
Huế	2868	1000	+ 1868
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686	+ 245

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện lượng mưa, bốc hơi và cân bằng ẩm của ba địa điểm trên là:

- a. Biểu đồ cột và biểu đồ đường
- b. Biểu đồ kết hợp cột và đường
- c. Biểu đồ miền và biểu đồ tròn
- d. **Biểu đồ cột nhóm và biểu đồ cột chồng**

**Câu: Cho bảng số liệu: Cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo nhóm hàng của nước ta. (Đơn vị: %)**

Nhóm Hàng \ Năm	1995	1999	2000	2001	2005
Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản	25,3	31,3	37,2	34,9	36,1
Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp	28,5	36,8	33,8	35,7	41,0
Hàng nông, lâm, thủy sản	46,2	31,9	29,0	29,4	22,9

Chọn dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo nhóm hàng của nước ta.

- a. Biểu đồ tròn.      **b. Biểu đồ miền.**      c. Biểu đồ đường.      d. Biểu đồ cột.

**Câu: Cho bảng số liệu diện tích lúa của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long từ 2005 - 2010**

Năm (Đơn vị: Nghìn ha)	2005	2008	2010
Đồng bằng sông Hồng	1139	1110	1105
Đồng bằng sông Cửu Long	3826	3859	3946

Để vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện diện tích gieo trồng lúa ở ĐBSH và ĐBSCL qua các năm, biểu đồ thích hợp nhất là:

- a. Biểu đồ tròn      **b. Biểu đồ cột ghép**      c. Biểu đồ miền      d. Biểu đồ đường

**Dạng 2: Mức thông hiểu:** Cho các hình biểu đồ, chọn đáp án đúng với câu yêu cầu và nhận xét, cho bảng số liệu và chọn đáp án đúng với câu nhận xét.

**Câu: Qua bảng số liệu: Khối lượng hàng hóa được vận chuyển qua các cảng biển ở nước ta. (Đơn vị: nghìn tấn)**

Năm	2000	2003	2005	2007
Tổng số	21.903	34.019	38.328	46.247
Hàng xuất khẩu	5.461	7.118	9.916	11.661
Hàng nhập khẩu	9.293	13.575	14.859	17.856
Hàng nội địa	7.149	13.326	13.553	16.730

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2008, NXB Thống kê, 2009).

Nhận xét nào sau đây là **chính xác nhất**:

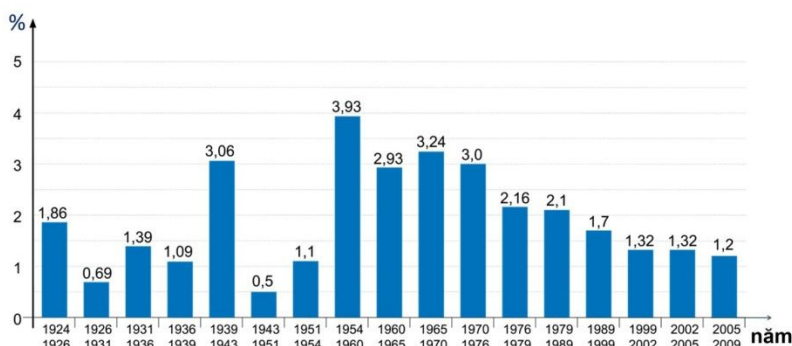
- Tổng khối lượng hàng hóa được vận chuyển qua các cảng biển giảm nhanh chóng.
- Hàng nhập khẩu chiếm khối lượng vận chuyển qua các cảng biển nước ta cao nhất, nhưng tăng chậm nhất.**
- Hàng xuất khẩu chiếm khối lượng vận chuyển qua các cảng biển nước ta thấp nhất, tăng nhanh nhất.
- Hàng nội địa chiếm khối lượng vận chuyển qua các cảng biển cao thứ 2, tăng trung bình.

**Dạng 3:** Mức vận dụng và vận dụng cao: phân tích, tính toán, và giải thích thông qua hình biểu đồ, bảng số liệu. chọn đáp án chính xác.

**Câu: Quan sát biểu đồ thể hiện tỉ lệ tăng dân số trung bình qua các giai đoạn ở nước ta. Nhận xét nào là đúng nhất**

Hình 16.1/68

BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN TỈ LỆ TĂNG DÂN SỐ TRUNG BÌNH NĂM QUA CÁC GIAI ĐOẠN



- Tỉ lệ tăng dân số trung bình nước ta qua các giai đoạn giảm nhanh.

**b. Tỷ lệ tăng dân số trung bình nước ta qua các giai đoạn có nhiều biến động và giảm không liên tục.**

c. Tỷ lệ tăng dân số trung bình giai đoạn 1939-1943 đến giai đoạn 1951-1954 giảm mạnh là do thực hiện kế hoạch hóa.

d. Tỷ lệ tăng dân số trung bình giai đoạn 1954-1960 đến giai đoạn 1970-1976 cao, bùng nổ dân số là do thực hiện kế hoạch hóa.

**Câu: Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy chọn câu nhận xét không chính xác về tình hình sản xuất nông nghiệp ở nước ta trong giai đoạn 1991 – 1996.**

	Đơn vị	1991	1992	1993	1994	1995	1996
Tổng sản lượng lương thực	Triệu tấn	21,98	24,21	25,5	26,19	27,15	29,0
Trong đó sản lượng lúa		19,62	21,59	22,83	23,52	24,96	26,30
Lương thực bình quân đầu người	Kg/người	324,9	348,9	359,0	360,9	372,5	386,6
Tổng đàn lợn	Triệu con	12,19	13,89	14,87	15,58	16,30	16,87
Gạo xuất khẩu	Triệu tấn	1,032	1,95	1,75	1,95	2,1	3,0
Giá gạo xuất khẩu	USD/tấn	187	200	250	280	320	330

a. Tốc độ tăng của của sản lượng lương thực, sản lượng lúa đều tăng liên tục nên sản lượng gạo xuất khẩu tăng nhanh.

b. Tổng số đàn lợn tăng liên tục, tăng khoảng 1,4 lần tăng nhanh nhất, sản lượng lúa tăng nhanh nhì (1,34 lần)

c. Sản lượng lương thực bình quân đầu người có tăng nhưng chậm nhất, tổng sản lượng lương thực tăng chậm nhì

**d. Giá gạo xuất khẩu tăng nhanh, thu nhập từ gạo xuất khẩu năm 1996 tăng gấp 5 lần năm 1991**

**Câu: Số dân và sản lượng lúa của nước ta. Tính bình quân lương thực trên đầu người (kg/người)**

Năm	1990	1996	1999
Số dân (triệu người)	66,2	75,4	76,3
Sản lượng lúa (triệu tấn)	19,2	26,4	31,4

Chọn đáp số theo thứ tự

- a. 280kg/người; 350kg/ người ; 411,5kg/ người
- b. 290kg/người; 350kg/ người ; 411,5kg/ người**
- c. 290kg/ người ; 380kg/ người; 411,5kg/ người
- d. 290kg/ người; 350kg/ người; 1999: 413kg/ người

**Câu: Sản lượng thủy sản của nước ta năm 1990 và năm 2003 (Đơn vị: nghìn tấn).  
Tính tỉ trọng ngành đánh bắt và nuôi trồng năm 1990 và 2003**

Năm	Tổng số	Đánh bắt	Nuôi trồng
1990	890,6	728,5	162,1
2003	2.859,2	1.856,1	1.003,1

Chọn đáp án **đúng** (đơn vị: %)

- a. 1990: 91,86% và 8,14%; 1999: 64,9% và 35,1%**
- b. 1990: 92,86% và 7,14%; 1999: 64,9% và 39,1%
- c. 1990: 91,86% và 8,14%; 1999: 64,9% và 35,1%
- d. 1990: 7,14% và 91,86%; 1999: 66,5% và 35,1%

**Câu: Giá trị xuất nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2000 – 2004 (Đơn vị: tỉ USD).  
Tính bán kính biểu đồ tròn năm 2000 và 2000:**

Năm	2000	2004
Xuất khẩu	14,5	26,5
Nhập khẩu	15,6	32,0

Chọn đáp án đúng

- a.  $R_{2000} = 2,0$  đvbk;  $R_{2004} = 3,88$  đvbk**
- b.  $R_{2000} = 2,0$  đvbk;  $R_{2004} = 4,55$  đvbk
- c.  $R_{2000} = 2,0$  đvbk;  $R_{2004} = 4,88$  đvbk
- d.  $R_{2000} = 2,0$  đvbk;  $R_{2004} = 5,0$  đvbk

**Câu: Diện tích một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta (nghìn ha)**

Năm	Chè	Cà phê	Cao su	Hồ tiêu
1995	66,7	186,4	278,4	7,0
1999	84,8	477,7	394,9	17,6
2000	87,7	561,9	412,0	27,9
2003	116,3	510,2	440,8	50,5
2005	122,5	497,4	482,7	49,1
2006	122,9	497,0	522,2	48,5

Chọn câu nhận xét **chính xác nhất**

- Nhìn chung giai đoạn 1995 – 2006 diện tích trồng chè, cà phê, cao su và hồ tiêu đều tăng, trong đó cao su và cà phê tăng nhanh hơn hồ tiêu và chè.
- Cà phê tăng nhanh là do có từ lâu đời, luôn có diện tích trồng cao nhất.
- Nhìn chung các cây công nghiệp lâu năm đều tăng nhằm phục vụ xuất khẩu và phát triển công nghiệp chế biến.**
- Chè tăng chậm là do cây chè khó tiêu thụ và khó trồng hơn các loại cây khác.

## **6. Cách học và làm bài thi trắc nghiệm sử dụng Atlas, biểu đồ và bảng số liệu hiệu quả**

Nếu như trước đây, hình thức thi tự luận, HS cần nắm thật chắc kiến thức và học cách trình bày theo các bước cho đúng trình tự thì bây giờ yêu cầu thêm nữa đó là phải học kiến thức rộng hơn. Tùy mỗi môn sẽ có những đặc thù khác nhau, nhưng trên cơ sở phải nắm kiến thức và biết vận dụng. Ở bài thi trắc nghiệm, thường sẽ là những bài yêu cầu giải nhanh và không quá rườm rà, yêu cầu kiến thức rộng và bao quát hơn. Trước đây HS đang theo phương pháp "chậm và chắc" thì bạn phải đổi ngay từ "chậm" thành "nhanh". Giải nhanh chính là chìa khóa để bạn có được điểm cao ở môn trắc nghiệm. Với các bài thi nặng về lí thuyết thì sẽ yêu cầu ghi nhớ nhiều hơn, bạn nên chú trọng phần liên hệ vì đó là xu hướng học cũng như ra đề của Bộ.

### **\* Phải tìm được từ "chìa khóa" trong câu hỏi**

Từ chìa khóa hay còn gọi là "key" trong mỗi câu hỏi chính là mấu chốt để giải quyết vấn đề. Mỗi khi bạn đọc câu hỏi xong, điều đầu tiên là phải tìm được từ chìa khóa nằm ở đâu. Điều đó giúp HS định hướng được rằng câu hỏi liên quan đến vấn đề



gì và đáp án sẽ gắn liền với từ chìa khóa ấy. Đó được xem là cách để bạn giải quyết câu hỏi một cách nhanh nhất và tránh bị lạc đề hay nhầm dữ liệu đáp án. Đặc biệt là với môn Địa lí, phần kỹ năng làm trắc nghiệm với bảng số liệu-biểu đồ.

Ví dụ:

**Câu:** Cho bảng số liệu :

**DIỆN TÍCH LÚA Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (Đơn vị : nghìn ha)**

Năm	Tổng số	Chia ra		
		Lúa đông xuân	Lúa hè thu	Lúa mùa
1976	2061,0	189,0	442,0	1430,0
2011	4093,9	1567,5	2151,0	375,4

Để thể hiện cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ của đồng bằng sông Cửu Long năm 1976 và năm 2011, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- a. biểu đồ tròn      b. biểu đồ miền      c. biểu đồ cột      d. biểu đồ đường

-> Từ khóa ở câu hỏi này là từ: **cơ cấu**

**\* Tự trả lời trước... đọc đáp án sau**

Trong môn Địa lí, khi mà các đáp án (phương án trắc nghiệm) thường "na ná" nhau khiến HS dễ bị rối. Sau khi đọc xong câu hỏi, HS nên tự trả lời rồi đọc tiếp phần đáp án xem có phương án nào giống với câu trả lời mình đưa ra hay không. Chớ vội đọc ngay đáp án vì như thế bạn rất dễ bị phân tâm nếu như kiến thức của mình không thực sự chắc chắn.

**\* Dùng phương pháp loại trừ**

Một khi bạn không có cho mình một đáp án thực sự chính xác thì phương pháp loại trừ cũng là một cách hữu hiệu giúp HS tìm ra câu trả lời đúng. Mỗi câu hỏi thường có 4 đáp án, các đáp án cũng thường không khác nhau nhiều lắm về nội dung, tuy nhiên vẫn có cơ sở để bạn dùng phương án loại trừ bằng "mẹo" của mình cộng thêm chút may mắn nữa. Thay vì đi tìm đáp án đúng, HS hãy thử tìm phương án sai... đó cũng là một cách hay và loại trừ càng nhiều phương án càng tốt.

Khi bạn không còn đủ cơ sở để loại trừ nữa thì hãy dùng cách phỏng đoán, nhận thấy phương án nào khả thi hơn và đủ tin cậy hơn thì khoanh vào phiếu trả lời... đó là cách cuối cùng dành cho bạn.

**\* Phân bổ thời gian và nhớ không được bỏ trống đáp án**

Việc đầu tiên là đọc qua một lượt tất cả các câu hỏi, xem những câu nào mình biết rồi thì nên khoanh ngay đáp án vào phiếu trả lời (bạn nhớ dùng bút chì để có thể sửa đáp án nếu cần thiết). Sau khi làm hết những câu hỏi "trúng tủ" của mình thì chọn những câu hỏi đơn giản làm trước, vì bài thi trắc nghiệm các câu hỏi đều có thang điểm như nhau chứ không giống như bài thi tự luận.

Chính vì vậy câu hỏi khó hay dễ cũng đều có chung phổ điểm, nên HS hãy làm câu dễ trước để đảm bảo đạt tối đa số điểm. Chú ý phân bổ thời gian để không bỏ sót câu hỏi nào, nếu không biết đáp án thì hãy dùng phỏng đoán hay kể cả may mắn cũng được, điều bạn cần là không được để trống đáp án, đó cũng là một cơ hội dành cho bạn.

#### **\* "Trăm hay không bằng tay quen"**

Không ai tài giỏi hơn ai, cái quan trọng là cần thời gian để tích lũy kinh nghiệm, các bài thi cũng vậy, thiết nghĩ HS nên giải nhiều đề thi trắc nghiệm hơn, giải đi giải lại, tập dần với các câu hỏi trắc nghiệm, nhiều dạng đề trắc nghiệm khác nhau. HS sẽ tìm được những lỗi mà mình thường gặp phải cũng như tìm được một phương pháp giải tối ưu cho bài trắc nghiệm.

#### **\* Chỉ nên sử dụng Atlat của chính mình**

Khi sử dụng Atlat của chính bản thân mình đã sử dụng lâu ngày, HS sẽ thấy nó quen thuộc. Trang nào có liên quan tới câu hỏi, HS sẽ nhanh chóng tìm ra, thậm chí nhớ mọi "ngóc ngách" của Atlat...như vậy sẽ dễ dàng và nhanh hơn nhiều khi làm bài trắc nghiệm.

### **7. Kết quả**

Các em hiểu bài và thấy được đặc trưng của môn địa lí. Kỹ năng trắc nghiệm Atlat, biểu đồ - bảng số liệu đa dạng và nhiều hình thức thông qua quá trình học tập môn địa lí và đem lại hiệu quả, sự yêu thích và hứng thú môn học này.

Hầu hết học sinh lớp 12 nắm vững kiến thức, vận dụng kỹ năng trắc nghiệm Atlat địa lý Việt Nam, biểu đồ - bảng số liệu một cách thành thạo và hiệu quả trong năm học 2016-2017, kì thi TNTHTP Quốc gia năm 2017 và học kỳ 1 vừa qua. Các em tự tin hơn, không còn lo ngại về lĩnh vực trắc nghiệm Atlat, biểu đồ - bảng số liệu, là hành trang vững bước cho các em vượt qua những kỳ thi sắp tới trong năm học này.

### Kết quả thi học kì I năm học 2017-2018

Lớp	Sĩ số	> 5 điểm	%	< 5 điểm	%
12a2	37	37	100	0	0
12a3	40	40	100	0	0
12a4	39	37	94	2	6
12a11	39	37	94	2	6
12a12	37	36	97	1	3



Hình ảnh: Học sinh lớp 12A12 năm học 2017-2018-Làm bài tập trắc nghiệm với Atlas

### 8. Hạn chế

- + Thời gian 1 tiết giới hạn 45 phút, giáo viên vừa giảng dạy lý thuyết vừa rèn luyện kỹ năng trắc nghiệm Atlas, biểu đồ và bảng số liệu, nếu nội dung bài khá dài sẽ bị cháy giáo án.
- + Môn Địa Lý vẫn bị xem là môn phụ không cần thiết, nên các em ít tập trung và quan tâm.

### **III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **1. Kết luận**

Sau một thời gian thực hiện đề tài đã đạt được những kết quả sau:

Hệ thống hóa được cơ sở lí luận và thực tiễn của việc hướng dẫn học sinh học và làm bài tập trắc nghiệm sử dụng Atlas địa lý Việt Nam, biểu đồ và bảng số liệu Địa lí.

Xây dựng nguyên tắc lựa chọn nội dung và quy trình thiết kế giáo án dạy học hướng dẫn HS học và làm bài tập trắc nghiệm sử dụng Atlas địa lý Việt Nam, biểu đồ và bảng số liệu Địa lí.

Kết quả dạy học về học và làm bài tập trắc nghiệm sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam, biểu đồ và bảng số liệu Địa lí lớp 12 trên các lớp lớp 12a2 và 12a12 năm học 2016-2017 và các lớp 12a2,3,4,11,12 năm học 2017-2018, sau khi xử lí và thống kê đã cho thấy việc dạy học về học và làm bài tập trắc nghiệm sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam, biểu đồ và bảng số liệu Địa lí đã giúp phát triển năng lực tự học và năng lực hợp tác, năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống của HS, kết quả học tập môn Địa lí và kết quả kì thi THPT Quốc gia đạt kết quả cao hơn.

#### **2. Kiến nghị**

Qua quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài “*HƯỚNG DẪN HỌC VÀ LÀM BÀI TRẮC NGHIỆM PHẦN KỸ NĂNG SỬ DỤNG ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM, BIỂU ĐỒ, BẢNG SỐ LIỆU NHẪM NÂNG CAO KẾT QUẢ TRONG KÌ THI THPT QUỐC GIA*” tôi có một vài kiến nghị:

- Cần tổ chức cho GV tiếp cận và thực hành ra đề, phương pháp dạy học kỹ năng Atlas, bảng số liệu- biểu đồ nhằm nâng cao hiệu quả dạy học.

- Các tổ chuyên môn, giáo viên cần tích cực tận dụng tài khoản *Trường học kết nối* để làm các đề minh họa cho học sinh làm bài trắc nghiệm Atlas địa lý Việt Nam, biểu đồ - bảng số liệu Địa lí lớp 12 trực tuyến.

- Việc nghiên cứu phát triển năng lực cho HS là nhiệm vụ quan trọng cần được chú trọng trong hoạt động của GV.

- GV nên phối hợp với gia đình chú trọng hơn đến việc bồi dưỡng khả năng tự học và hoàn thành các bài tập ở nhà.

Trên đây là những nghiên cứu ban đầu của tôi về mảng đề tài này, do kinh nghiệm còn hạn chế nên không thể tránh khỏi những sai sót. Tôi rất mong nhận được sự góp ý của thầy cô giáo và các đồng nghiệp để có thể tiếp tục phát triển đề tài.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Atlas địa lý Việt Nam – NXB Giáo Dục Việt Nam, năm 2016.
2. Hướng dẫn luyện kỹ năng và trắc nghiệm Địa Lí 12 (chương trình chuẩn và nâng cao) – TS. Phạm Thị Xuân Thọ, Trần Văn Quang, Dương Hiền Chử, Lê Đức Tài. NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2009.
3. Phân tích bảng số liệu, vẽ biểu đồ, lược đồ, đọc Atlas địa lý Việt Nam – PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2011.
4. SGK Địa lý 12 – NXB Giáo dục, năm 2014.
5. Sổ tay biên tập sách giáo dục – TS. Nguyễn Quý Thao, TS. Lê Hữu Tĩnh, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 201
6. Sách giáo khoa Địa lí 10 – NXB giáo dục
7. Sách giáo viên Địa lí 10 – NXB giáo dục
8. Các [Website](#):
  - <http://www.idially.com>
  - <http://onthidially.wordpress.com>